

Số: 14/QĐ-CTHADS

Bình Thuận, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước năm 2024

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 3039/QĐ-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1230/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ vào dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 được giao, thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện đúng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận, thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 2 (t/h);
- Tổng Cục THADS-VKHTC;
- Lãnh đạo Cục THADS ;
- KBNN tỉnh;
- KBNN nơi giao dịch (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu: VT, Kế toán HCSN.

Kí, CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Văn Bình

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI TIẾT DƯ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO HỆ THỐNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 14/QĐ-CTHADS ngày 29/12/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận)

Đơn vị: nghìn đồng

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Tên đơn vị	KINH PHÍ GIAO TỰ CHỦ TÀI CHÍNH (LOẠI 340-341)									
		TỔNG SỐ	Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp cho cán bộ, công chức	Chi thường xuyên theo định mức	Quản lý ngành	Hỗ trợ lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	Hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ	Quỹ thi đua khen thưởng tập trung	Các khoản giảm trừ		Tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm năm 2022
									Đặt mua báo PLVN tập trung	Dịch vụ chung chuyên về Văn phòng Bộ	
35	BÌNH THUẬN	26.696.899	18.653.000	6.083.000	102.000	1.833.000	179.000	-118.100	-35.001	0	
T	THA tỉnh	5.944.109	4.154.000	1.467.500	102.000	251.160	0	-24.800	-5.751	0	
Q	THA TP. Phan Thiết	3.598.855	2.687.000	713.000	0	199.680	19.000	-16.900	-2.925	0	
HB	THA Phú Quý	1.141.875	798.000	195.000	0	156.000	0	-4.200	-2.925	0	
H	THA TX. La Gi	2.058.795	1.442.000	428.000	0	174.720	26.000	-9.000	-2.925	0	
H	THA Hàm Tân	1.726.275	1.192.000	428.000	0	117.000	0	-7.800	-2.925	0	
H	THA Tánh Linh	1.858.975	1.260.000	428.000	0	156.000	26.000	-8.100	-2.925	0	
H	THA Tuy Phong	2.197.375	1.456.000	570.000	0	156.000	28.000	-9.700	-2.925	0	
H	THA Bắc Bình	2.135.175	1.548.000	475.000	0	117.000	8.000	-9.900	-2.925	0	
H	THA Hàm Thuận Nam	1.459.195	951.000	332.500	0	174.720	11.000	-7.100	-2.925	0	
H	THA Đức Linh	2.203.175	1.509.000	523.000	0	156.000	28.000	-9.900	-2.925	0	
H	THA Hàm Thuận Bắc	2.373.095	1.656.000	523.000	0	174.720	33.000	-10.700	-2.925	0	

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI TIẾT DỰ TOÁN CHI TỪ PHÍ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ ĐƯỢC ĐỀ LẠI SỬ DỤNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số.../KH.1.QĐ...-CT.11.A03 ngày 29/11/2023. Của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận)

Đơn vị: nghìn đồng

55% PHÍ ĐƯỢC ĐỀ LẠI SỬ DỤNG																
STT	Tên đơn vị	DỰ TOÁN GIAO THU NĂM 2024	trong đó:			TỔNG DỰ TOÁN CHI TỪ PHÍ ĐƯỢC ĐỀ LẠI	20% NỢP VỀ TỔNG CỤC ĐỀ ĐIỀU HÒA	Giao tự chủ tài chính							Giao không tự chủ tài chính	
			Số nộp Tổng cục THADS	Số đơn vị đề lại sử dụng	Số nộp NSNN			Giao tự chủ tài chính			Tổng cộng	Chi xác minh điều kiện thi hành án	Chi phục vụ công tác thu phí khác	Tổng cộng		Mua sắm tài sản dùng cho chuyên môn và các nhiệm vụ chi không tự chủ khác
								6	7=8+12	8						
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+7										
35	BÌNH THUẬN	6.183.000	1.236.600	3.400.650	1.545.750	3.400.650	0	3.400.650	91.300	3.309.350	625.000	2.684.350	0	0		
1	THA tỉnh	497.000	99.400	273.350	124.250	273.350		273.350	7.300	266.050	70.000	196.050	0			
2	THA TP. Phan Thiết	1.289.000	257.800	708.950	322.250	708.950		708.950	19.000	689.950	103.000	586.950	0			
3	THA Phú Quý	39.000	7.800	21.450	9.750	21.450		21.450	600	20.850	4.000	16.850	0			
4	THA TX. La Gi	411.000	82.200	226.050	102.750	226.050		226.050	6.100	219.950	91.000	128.950	0			
5	THA Hàm Tân	485.000	97.000	266.750	121.250	266.750		266.750	7.200	259.550	40.000	219.550	0			
6	THA Tân Cảnh	407.000	81.400	223.850	101.750	223.850		223.850	6.000	217.850	34.000	183.850	0			
7	THA Tuy Phong	650.000	130.000	357.500	162.500	357.500		357.500	9.600	347.900	58.000	289.900	0			
8	THA Bắc Bình	345.000	69.000	189.750	86.250	189.750		189.750	5.100	184.650	10.000	174.650	0			
9	THA Hàm Thuận Nam	733.000	146.600	403.150	183.250	403.150		403.150	10.800	392.350	60.000	332.350	0			
10	THA Đức Linh	689.000	137.800	378.950	172.250	378.950		378.950	10.200	368.750	95.000	273.750	0			
11	THA Hàm Thuận Bắc	638.000	127.600	350.900	159.500	350.900		350.900	9.400	341.500	60.000	281.500	0			



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-CTHADS ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận)

Đơn vị: Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Mã số: 1054517

Mã KBNN nơi giao dịch: 1661

Đơn vị tính: 1.000 đồng

ST T	Nội Dung	Tổng số
A	Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	497.000
2	Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và nộp về Tổng cục)	372.750
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	124.250
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.944.109
	Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ	5.944.109
	-Kinh phí không thực hiện tự chủ	0
I	Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340- Khoản 341)	5.944.109
1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	5.944.109
2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	0
3	Kinh phí tiết kiệm để CCTL (mã nguồn 14)	0
II	Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 – Khoản 085)	0
1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	0
2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	0
		0



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-CTHADS ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận)

Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân Thành phố Phan Thiết.

Mã số: 1054627

Mã KBNN nơi giao dịch: 1661

Đơn vị tính: 1.000 đồng

ST T	Nội Dung	Tổng số
A	Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	1.289.000
2	Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và nộp về Tổng cục)	966.750
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	322.250
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.598.855
	Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ	3.598.855
	-Kinh phí không thực hiện tự chủ	0
I	Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340- Khoản 341)	3.598.855
1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	3.598.855
2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	0
3	Kinh phí tiết kiệm để CCTL (mã nguồn 14)	0
II	Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 – Khoản 085)	0
1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	0
2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	0



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-CTHADS ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận)

Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quý.

Mã số: 1054730

Mã KBNN nơi giao dịch: 1664

Đơn vị tính: 1.000 đồng

ST T	Nội Dung	Tổng số
A	Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	39.000
2	Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và nộp về Tổng cục)	29.250
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	9.750
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.141.875
	Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ	1.141.875
	-Kinh phí không thực hiện tự chủ	0
I	Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340- Khoản 341)	1.141.875
1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	1.141.875
2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	0
3	Kinh phí tiết kiệm để CCTL (mã nguồn 14)	0
II	Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 – Khoản 085)	0
1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	0
2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	0



TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-CTHADS ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận)

Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Mã số: 1035586

Mã KBNN nơi giao dịch: 1670

Đơn vị tính: 1.000 đồng

ST T	Nội Dung	Tổng số
A	Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	411.000
2	Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và nộp về Tổng cục)	308.250
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	102.750
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.058.795
	Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ	2.058.795
	-Kinh phí không thực hiện tự chủ	0
I	Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340- Khoản 341)	2.058.795
1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	2.058.795
2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	0
3	Kinh phí tiết kiệm để CCTL (mã nguồn 14)	0
II	Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 – Khoản 085)	0
1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	0
2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	0

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-CTHADS ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận)

Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân.

Mã số: 1054519

Mã KBNN nơi giao dịch: 1668

Đơn vị tính: 1.000 đồng

ST T	Nội Dung	Tổng số
A	Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	485.000
2	Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và nộp về Tổng cục)	363.750
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	121.250
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.726.275
	Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ	1.726.275
	-Kinh phí không thực hiện tự chủ	0
I	Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340- Khoản 341)	1.726.275
1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	1.726.275
2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	0
3	Kinh phí tiết kiệm để CCTL (mã nguồn 14)	0
II	Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 – Khoản 085)	0
1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	0
2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	0

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-CTHADS ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận)

Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

Mã số: 1054628

Mã KBNN nơi giao dịch: 1669

Đơn vị tính: 1.000 đồng

ST T	Nội Dung	Tổng số
A	Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	407.000
2	Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và nộp về Tổng cục)	305.250
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	101.750
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.858.975
	Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ	1.858.975
	-Kinh phí không thực hiện tự chủ	
I	Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340- Khoản 341)	1.858.975
1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	1.858.975
2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	0
3	Kinh phí tiết kiệm để CCTL (mã nguồn 14)	0
II	Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 – Khoản 085)	0
1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	0
2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	0



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-CTHADS ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận)

Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

Mã số: 1054703

Mã KBNN nơi giao dịch: 1665

Đơn vị tính: 1.000 đồng

ST T	Nội Dung	Tổng số
A	Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	650.000
2	Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và nộp về Tổng cục)	487.500
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	162.500
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.197.375
	Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ	2.197.375
	-Kinh phí không thực hiện tự chủ	0
I	Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340- Khoản 341)	2.197.375
1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	2.197.375
2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	0
3	Kinh phí tiết kiệm để CCTL (mã nguồn 14)	0
II	Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 – Khoản 085)	0
1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	0
2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	0



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-CTHADS ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận)

Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

Mã số: 1054520

Mã KBNN nơi giao dịch: 1663

Đơn vị tính: 1.000 đồng

ST T	Nội Dung	Tổng số
A	Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	345.000
2	Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và nộp về Tổng cục)	258.750
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	86.250
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.135.175
	Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ	2.135.175
	-Kinh phí không thực hiện tự chủ	0
I	Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340- Khoản 341)	2.135.175
1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	2.135.175
2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	0
3	Kinh phí tiết kiệm để CCTL (mã nguồn 14)	0
II	Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 – Khoản 085)	0
1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	0
2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	0



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-CTHADS ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận)

Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam.

Mã số: 1054626

Mã KBNN nơi giao dịch: 1667

Đơn vị tính: 1.000 đồng

ST T	Nội Dung	Tổng số
A	Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	733.000
2	Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và nộp về Tổng cục)	549.750
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	183.250
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.459.195
	Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ	1.459.195
	-Kinh phí không thực hiện tự chủ	0
I	Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340- Khoản 341)	1.459.195
1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	1.459.195
2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	0
3	Kinh phí tiết kiệm để CCTL (mã nguồn 14)	0
II	Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 – Khoản 085)	0
1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	0
2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	0



TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-CTHADS ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận)

Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Mã số: 1054625

Mã KBNN nơi giao dịch: 1662

Đơn vị tính: 1.000 đồng

ST T	Nội Dung	Tổng số
A	Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	689.000
2	Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và nộp về Tổng cục)	516.750
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	172.250
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.203.175
	Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ	2.203.175
	-Kinh phí không thực hiện tự chủ	0
I	Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340- Khoản 341)	2.203.175
1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	2.203.175
2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	0
3	Kinh phí tiết kiệm để CCTL (mã nguồn 14)	0
II	Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 – Khoản 085)	0
1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	0
2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	0

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-CTHADS ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận)

Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

Mã số: 1054630

Mã KBNN nơi giao dịch: 1666

Đơn vị tính: 1.000 đồng

ST T	Nội Dung	Tổng số
A	Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	638.000
2	Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và nộp về Tổng cục)	478.500
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	159.500
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.373.095
	Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ	2.373.095
	-Kinh phí không thực hiện tự chủ	0
I	Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340- Khoản 341)	2.373.095
1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	2.373.095
2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	0
3	Kinh phí tiết kiệm để CCTL (mã nguồn 14)	0
II	Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 – Khoản 085)	0
1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	0
2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	0

Signature



Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 3039/QĐ-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Công văn số 6512/BTP-KHTC ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Tư pháp về việc thông báo chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Tổng cục Thi hành án dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự và các cá nhân, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Mai Lương Khôi (để b/c);
- Tổng Cục trưởng (để b/c);
- Cục Kế hoạch - Tài chính, BTP (để ph/h);
- KBNN nơi đơn vị giao dịch (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Trần Thị Phương Hoa

GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1230/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 12 năm 2023

của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)

Đơn vị: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận

Mã số : 1052718

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
A	Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	6.183.000
2	Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và số nộp về Tổng cục)	4.637.250
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	1.545.750
B	Dự toán chi Ngân sách nhà nước	26.696.899
	Trong đó: - Kinh phí giao tự chủ tài chính	26.696.899
	- Kinh phí giao không tự chủ tài chính	0
I	Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340-Khoản 341)	26.696.899
1	Kinh phí giao tự chủ tài chính	26.696.899
2	Kinh phí giao không tự chủ tài chính	0
II	Chi bồi thường (Loại 340-Khoản 368)	0
1	Kinh phí giao tự chủ tài chính	0
2	Kinh phí giao không tự chủ tài chính	0
III	Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070-Khoản 085)	0
1	Kinh phí giao tự chủ tài chính	0
2	Kinh phí giao không tự chủ tài chính	0

CHI TIẾT DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO HỆ THỐNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 1230/QĐ - TCTHADS ngày 29/12/2023 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Tên đơn vị	KINH PHÍ GIAO TỰ CHỦ TÀI CHÍNH (LOẠI 340-341)								
		TỔNG SỐ	Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp cho cán bộ, công chức	Chi thường xuyên theo định mức	Quản lý ngành	Hỗ trợ lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	Hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ	Quỹ thi đua khen thưởng tập trung	Các khoản giảm trừ	
									Đặt mua báo PLVN tập trung	Dịch vụ chung chuyển về Văn phòng Bộ
A	B	3=sum(4:11)	4	5	6	7	8	9	10	11
35	BÌNH THUẬN	26.696.899	18.653.000	6.083.000	102.000	1.833.000	179.000	-118.100	-35.001	0
T	THA tỉnh	7.359.449	4.035.000	1.420.000	102.000	1.833.000	0	-24.800	-5.751	0
Q	THA TP. Phan Thiết	3.399.175	2.687.000	713.000	0	0	19.000	-16.900	-2.925	0
HĐ	THA Phú Quý	985.875	798.000	195.000	0	0	0	-4.200	-2.925	0
H	THA TX. La Gi	1.884.075	1.442.000	428.000	0	0	26.000	-9.000	-2.925	0
H	THA Hàm Tân	1.609.275	1.192.000	428.000	0	0	0	-7.800	-2.925	0
H	THA Tánh Linh	1.730.975	1.288.000	428.000	0	0	26.000	-8.100	-2.925	0
H	THA Tuy Phong	2.041.375	1.456.000	570.000	0	0	28.000	-9.700	-2.925	0
H	THA Bắc Bình	2.018.175	1.548.000	475.000	0	0	8.000	-9.900	-2.925	0
H	THA Hàm Thuận Nam	1.449.975	1.069.000	380.000	0	0	11.000	-7.100	-2.925	0
H	THA Đức Linh	2.019.175	1.481.000	523.000	0	0	28.000	-9.900	-2.925	0
H	THA Hàm Thuận Bắc	2.199.375	1.657.000	523.000	0	0	33.000	-10.700	-2.925	0

CHI TIẾT DỰ TOÁN THU, CHI TỪ PHÍ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ ĐƯỢC ĐỀ LẠI SỬ DỤNG NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 1230/QĐ-TCTHADS ngày 29/12/2023 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)

Đơn vị: nghìn đồng

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Tên đơn vị	DỰ TOÁN GIAO THU NĂM 2024	trong đó:			TỔNG DỰ TOÁN CHI TỪ PHÍ ĐƯỢC ĐỀ LẠI	20% NỢP VỀ TỔNG CỤC ĐỀ ĐIỀU HÒA	55% PHÍ ĐƯỢC ĐỀ LẠI SỬ DỤNG								
			Số nộp Tổng cục THADS	Số đơn vị đề lại sử dụng	Số nộp NSNN			TỔNG CỘNG		Tiết kiệm để CCTL		Giao tự chủ tài chính			Giao không tự chủ tài chính	
												Tổng cộng	Chi xác minh điều kiện thi hành án	Chi phục vụ công tác thu phí khác	Tổng cộng	Mua sắm tài sản dùng cho chuyên môn và các nhiệm vụ chi không tự chủ khác
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+7	6	7=8+12	8	9=10+11	10	11	12=13	13		
35	BÌNH THUẬN	6.183.000	1.236.600	3.400.650	1.545.750	3.400.650	0	3.400.650	91.300	3.309.350	625.000	2.684.350	0	0		
1	THA tỉnh	497.000	99.400	273.350	124.250	273.350		273.350	7.300	266.050	70.000	196.050	0			
2	THA TP. Phan Thiết	1.289.000	257.800	708.950	322.250	708.950		708.950	19.000	689.950	103.000	586.950	0			
3	THA Phú Quý	39.000	7.800	21.450	9.750	21.450		21.450	600	20.850	4.000	16.850	0			
4	THA TX. La Gi	411.000	82.200	226.050	102.750	226.050		226.050	6.100	219.950	91.000	128.950	0			
5	THA Hàm Tân	485.000	97.000	266.750	121.250	266.750		266.750	7.200	259.550	40.000	219.550	0			
6	THA Tánh Linh	407.000	81.400	223.850	101.750	223.850		223.850	6.000	217.850	34.000	183.850	0			
7	THA Tuy Phong	650.000	130.000	357.500	162.500	357.500		357.500	9.600	347.900	58.000	289.900	0			
8	THA Bắc Bình	345.000	69.000	189.750	86.250	189.750		189.750	5.100	184.650	10.000	174.650	0			
9	THA Hàm Thuận Nam	733.000	146.600	403.150	183.250	403.150		403.150	10.800	392.350	60.000	332.350	0			
10	THA Đức Linh	689.000	137.800	378.950	172.250	378.950		378.950	10.200	368.750	95.000	273.750	0			
11	THA Hàm Thuận Bắc	638.000	127.600	350.900	159.500	350.900		350.900	9.400	341.500	60.000	281.500	0			

(Chữ ký)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI TIẾT DỰ TOÁN THU, CHI TỪ PHÍ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ ĐƯỢC ĐỂ LẠI SỬ DỤNG NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 1230/QĐ-TCTHADS ngày 29/12/2023 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)

Đơn vị: nghìn đồng

Đơn vị: nghìn đồng														
STT	Tên đơn vị	DỰ TOÁN GIAO THU NĂM 2024	trong đó:			TỔNG DỰ TOÁN CHI TỪ PHÍ ĐƯỢC ĐỂ LẠI	20% NỢP VỀ TỔNG CỤC ĐỂ ĐIỀU HÒA	55% PHÍ ĐƯỢC ĐỂ LẠI SỬ DỤNG						
			Số nộp Tổng cục THADS	Số đơn vị để lại sử dụng	Số nộp NSNN			TỔNG CỘNG	Tiết kiệm để CCTL	Giao tự chủ tài chính			Giao không tự chủ tài chính	
										Tổng cộng	Chi xác minh điều kiện thi hành án	Chi phục vụ công tác thu phí khác	Tổng cộng	Mua sắm tài sản dùng cho chuyên môn và các nhiệm vụ chi không tự chủ khác
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+7	6	7=8+12	8	9=10+11	10	11	12=13	13
35	BÌNH THUẬN	6.183.000	1.236.600	3.400.650	1.545.750	3.400.650	0	3.400.650	91.300	3.309.350	625.000	2.684.350	0	0
1	THA tỉnh	497.000	99.400	273.350	124.250	273.350		273.350	7.300	266.050	70.000	196.050	0	
2	THA TP. Phan Thiết	1.289.000	257.800	708.950	322.250	708.950		708.950	19.000	689.950	103.000	586.950	0	
3	THA Phú Quý	39.000	7.800	21.450	9.750	21.450		21.450	600	20.850	4.000	16.850	0	
4	THA TX. La Gi	411.000	82.200	226.050	102.750	226.050		226.050	6.100	219.950	91.000	128.950	0	
5	THA Hàm Tân	485.000	97.000	266.750	121.250	266.750		266.750	7.200	259.550	40.000	219.550	0	
6	THA Tánh Linh	407.000	81.400	223.850	101.750	223.850		223.850	6.000	217.850	34.000	183.850	0	
7	THA Tuy Phong	650.000	130.000	357.500	162.500	357.500		357.500	9.600	347.900	58.000	289.900	0	
8	THA Bắc Bình	345.000	69.000	189.750	86.250	189.750		189.750	5.100	184.650	10.000	174.650	0	
9	THA Hàm Thuận Nam	733.000	146.600	403.150	183.250	403.150		403.150	10.800	392.350	60.000	332.350	0	
10	THA Đức Linh	689.000	137.800	378.950	172.250	378.950		378.950	10.200	368.750	95.000	273.750	0	
11	THA Hàm Thuận Bắc	638.000	127.600	350.900	159.500	350.900		350.900	9.400	341.500	60.000	281.500	0	